

Số: /2026/QĐ-CTUBND

Thái Nguyên, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 13/2025/QĐ-CTUBND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý tài sản công tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 7684/TTr-STC ngày 07 tháng 6 năm 2026, Công văn số 8109/STC-HCSN ngày 14 tháng 6 năm 2026;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 13/2025/QĐ-CTUBND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý tài sản công tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1, Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 và bổ sung Điều 7a, Điều 9a

1. Bổ sung điểm d, đ vào sau điểm c khoản 1 Điều 1 như sau:

“d) Xử lý vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh trong trường hợp điều chuyển, bán.

đ) Khoán kinh phí sử dụng tài sản công.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“1. Sở Tài chính quyết định giao tài sản công đối với:

a) Xe ô tô (trừ xe ô tô chức danh);

b) Tài sản công là máy móc thiết bị và tài sản công khác (không bao gồm tài sản công là quyền sử dụng đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác

gắn liền với đất) có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 10 tỷ đồng/01 tài sản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao tài sản công (*bao gồm cả tài sản công đã có quyết định thu hồi hoặc chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về tài sản công*) đối với tài sản công là quyền sử dụng đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất có tổng nguyên giá dưới 20 tỷ đồng; máy móc thiết bị và tài sản công khác (trừ tài sản công là xe ô tô) có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 10 tỷ đồng/01 tài sản tại cơ quan, đơn vị mình và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cho cơ quan, đơn vị mình và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao tài sản công (*bao gồm cả tài sản công đã có quyết định thu hồi hoặc chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về tài sản công*) đối với tài sản công là quyền sử dụng đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất có tổng nguyên giá dưới 20 tỷ đồng, máy móc thiết bị và tài sản công khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 10 tỷ đồng/01 tài sản tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cho cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp xã.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi đối với tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là đất và tài sản gắn liền với đất có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 20 tỷ đồng; máy móc thiết bị, tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 10 tỷ đồng/01 tài sản”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“1. Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công là xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản công do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh quản lý, sử dụng (không bao gồm tài sản công là quyền sử dụng đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất).

2. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công (*bao gồm cả tài sản công đã có quyết định thu hồi hoặc chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về tài sản công*) là quyền sử dụng đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất có tổng nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 20 tỷ đồng tại cơ quan, đơn vị mình và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cho cơ quan, đơn vị mình và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; máy móc thiết bị và tài sản công (trừ tài sản công là xe ô tô) là tài sản cố định có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 10 tỷ đồng/01 tài sản tại cơ quan, đơn vị mình và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển đối với tài sản công là đất và tài sản gắn liền với đất tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi

quản lý (bao gồm cả tài sản công đã có quyết định thu hồi hoặc chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về tài sản công) có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 20 tỷ đồng cho cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp xã; máy móc thiết bị và tài sản công (trừ tài sản công là xe ô tô) là tài sản cố định có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 10 tỷ đồng/01 tài sản.”

5. Bổ sung Điều 7a vào sau Điều 7 như sau:

“Điều 7a. Thẩm quyền quyết định xử lý vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh trong trường hợp điều chuyển, bán

1. Thẩm quyền quyết định điều chuyển được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quyết định 13/2025/QĐ-CTUBND.

2. Thẩm quyền quyết định bán được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quyết định 13/2025/QĐ-CTUBND.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công (không bao gồm: Tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; Tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập có nguyên giá dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán)

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan, đơn vị mình và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 10 tỷ đồng/01 tài sản, trừ tài sản công là xe ô tô.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 10 tỷ đồng/01 tài sản, trừ tài sản công là xe ô tô.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công (không bao gồm: Tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; Tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán)

1. Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công là xe ô tô (trừ xe ô tô chức danh) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công tại cơ quan, đơn vị

mình và tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 20 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản; máy móc thiết bị và tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 10 tỷ đồng/01 tài sản, trừ tài sản công là xe ô tô.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 20 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản; máy móc thiết bị và tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 10 tỷ đồng/01 tài sản, trừ tài sản công là xe ô tô.”

8. Bổ sung Điều 9a vào sau Điều 9 như sau:

“Điều 9a. Thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng tài sản công

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ áp dụng cụ thể đối với từng đối tượng khoán thuộc phạm vi quản lý.

2. Quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị

a) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản công quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý.

3. Khoán kinh phí sử dụng tài sản công khác (trừ xe ô tô, các tài sản quy định tại khoản 1, 2 Điều này)

a) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khoán kinh phí sử dụng tài sản công khác tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản công quyết định khoán kinh phí sử dụng tài sản công khác thuộc phạm vi quản lý”.

9. Thay thế cụm từ “Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh” tại khoản 1 Điều 5, Điều 10, Điều 11, khoản 1 Điều 13 và khoản 1 Điều 15 Quyết định số 13/2025/QĐ-CTUBND thành “Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT.Anhhtm

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Linh